| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Ứng.

Ông Nguyễn Văn Hoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn N, sinh năm 1977 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1985 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lý Ngọc E, sinh năm 1971 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Văn N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh N và chị Trương Thị Ngọc T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Tuy không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26/5/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T thường

xuyên cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong việc quản lý kinh tế gia đình. Anh N có khuyên nhủ nhưng chị T không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Đến tháng 8 năm 2019 (âm lịch) anh N và chị T sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh N và chị T không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh N và chị T có số tiền mặt là 105.000.000 đồng, hiện tại do chị T đang quản lý. Anh N yêu cầu chia đôi số tiền này và buộc chị T phải giao lại cho anh 52.500.000 đồng.

- Về nợ chung: Anh N và chị T có nợ chị Lý Ngọc E số tiền 60.000.000 đồng. Anh N yêu cầu chia đôi nợ chung với chị T, mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị E 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, đến phiên hòa giải ngày 31/3/2020, anh N rút lại yêu cầu về việc chia tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra, anh N không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Theo đơn xin không tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Ngọc E trình bày: Chị E xin không tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp ly hôn giữa anh Đinh Văn N và chị Trương Thị Ngọc T. Sau này, chị E sẽ khởi kiện anh N và chị T trong vụ án khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo lời trình bày cuối cùng vào ngày 31/3/2020, bị đơn chị T vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị E có đơn xin vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn ly hôn nguyên đơn anh Đinh Văn N yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Ngọc T đồng thời yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, anh N rút lại yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan là chị Lý Ngọc E có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T, chị E.

[3] Về hôn nhân: Anh N và chị T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 26/5/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh N và chị T xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ chị T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị với anh N.

Thấy rằng, giữa anh N và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh N và chị T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh N và chị T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn ly hôn anh N yêu cầu chia đôi số tiền mặt do chị T đang quản lý là 105.000.000 đồng và buộc chị T phải giao lại cho anh 52.500.000 đồng. Ngoài ra về nợ chung anh N yêu cầu chia đôi nợ chung với chị T, mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị Lý Ngọc E 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, đến phiên hòa giải ngày 31/3/2020, anh N rút lại yêu cầu về việc chia tài sản chung và nợ chung. Đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lý Ngọc E không có yêu cầu độc lập trong vụ án, chị E xác định chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh N về tài sản chung và nợ chung. Trường hợp anh N, chị T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, chị E có tranh chấp với anh N, chị T về số tiền nợ sẽ được Tòa án thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1**. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Văn N, cho anh Đinh Văn N được ly hôn với chị Trương Thị Ngọc T.

**2.** Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của anh Đinh Văn N.

Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nợ chung theo quy định pháp luật.

**3**. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.612.500 đồng theo biên lai thu số 49277 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên hoàn lại cho anh N số tiền 1.312.500 đồng *(Một triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*.

Chị T không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**4**. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị T, chị E vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

**5**. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**